

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2020
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thùy G**, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh **Đào Xuân T**, sinh năm 1978;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số x – Trại giam T – Cục 10 – Bộ Công an (xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa).

(Chị G có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Thùy G trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/6/2010. Trước khi kết hôn, anh T đã có một đời vợ và con riêng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị G phát hiện anh T nghiện ma túy. Chị đã nhiều lần khuyên bảo đi cai nghiện ma túy nhưng anh T không từ bỏ được và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh T đã 04 lần đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 3/2015, anh T phạm tội buôn bán trái phép chất ma túy và bị đi tù, một mình chị phải kiếm tiền nuôi con. Đến tháng 10/2018, anh T ra tù và lại tiếp tục nghiện ma túy. Đồ đạc trong nhà bị anh T mang đi bán hết. Đến 05/6/2019, anh T lại bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và phải chịu án phạt tù 05 năm, hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2011. Hiện cháu đang ở với ông bà nội. Từ lúc sinh con cho đến nay, chồng chị luôn trong tình trạng nghiện ngập và hai lần phải vào tù, không chia sẻ trách nhiệm của một người cha, người chồng, là người chăm lo cho gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng con. Chị có nguyện vọng được nuôi con Hồng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay thu nhập của chị được 04 triệu/tháng, chị đang ở nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Đông Cổ Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Sau khi li hôn thì chị có nhà của bố mẹ đẻ để ở và có bố đẻ, các anh chị phụ giúp chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh T đang đi chấp hành án nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về phần tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo Văn bản trình bày ý kiến của bị đơn là anh Đào Xuân T đề ngày 29/7/2020 thể hiện:** Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị G trình bày. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 05/6/2019 thì anh bị Công an thành phố Thái Bình bắt và bị Tòa án xử phạt 05 năm tù, anh đang thi hành án tại trại giam T, Thanh Hóa. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì và vẫn còn tình cảm với nhau. Anh không muốn ly hôn, nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng

đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Thị Thu H, hiện cháu đang ở với ông bà nội. Anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để con anh lớn lên có cả bố và mẹ. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Đơn trình bày hoàn cảnh bản thân chứng minh đủ điều kiện nuôi con, đề ngày 21/7/2020 của chị G có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện: Chị G đang làm công việc bán hàng điện cơ, thu nhập bình quân 01 tháng từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng và có đủ điều kiện nuôi con.

* Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957, trú tại thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình - Là mẹ đẻ anh T thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị G luôn hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 6/2019, anh T bị xử phạt 05 năm tù về tội mua bán trái phép ma túy, từ đó chị G bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Quảng Bình. Nay chị G xin ly hôn với anh T, bà đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị đoàn tụ để chăm sóc con cái. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Đào Thị Thu H. Hiện cháu đang ở với ông bà, và được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt, ăn học đầy đủ. Nay ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con cho anh T nuôi dưỡng. Gia đình bà sẽ đỡ đần, chăm sóc, trông nom cháu giúp anh T trong thời gian anh T chấp hành án tù.

* Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 25/8/2020 thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T, địa phương không nắm được. Bản thân anh T là người có nhiều tiền án về ma túy, hiện đang phải chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Chị G đã bỏ về quê bố mẹ đẻ hơn 01 năm nay. Chị G xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Đào Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2011. Hiện cháu đang ở với ông bà nội và được chăm sóc, học hành đầy đủ. Ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định của pháp luật để giải quyết.

* Biên bản ghi lời khai của cháu Đào Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2011 thể hiện: Hiện nay cháu đang ở với ông bà nội cháu, hằng ngày bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu Hồng muốn ở với ông bà nội để chờ bố cháu trở về.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đang đi chấp hành án phạt tù, đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên vẫn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản

1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị G được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đào Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2011 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T đã phạm tội về ma túy. Sau khi ra tù, mặc dù chị G và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh T vẫn không từ bỏ được mà vẫn tiếp tục phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và đang phải chấp hành án phạt tù. Nay chị G thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn anh T.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2011. Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù, chị G có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cho chị G trực tiếp nuôi

dưỡng con Hồng. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị G và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Thùy G được ly hôn anh Đào Xuân T.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trương Thị Thùy G trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Thị Thu H, sinh ngày 13/10/2011. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đào Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Trương Thị Thùy G và anh Đào Xuân T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trương Thị Thùy G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003879 ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị Trương Thị Thùy G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị Thùy G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/10/2020.

Anh Đào Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày xx/6/2010)
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương